



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC



Ms HUYEN

TIẾNG VIỆT

Ms HUYEN

LỚP

2

Quyển 3

Ms HUYEN



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2020

TUẦN 19: BỐN MÙA

TẬP ĐỌC

“Chuyện bốn mùa” (Theo Từ Nguyên Tĩnh)

“Thư Trung thu” (Hồ Chí Minh)

KỂ CHUYỆN

“Chuyện bốn mùa”

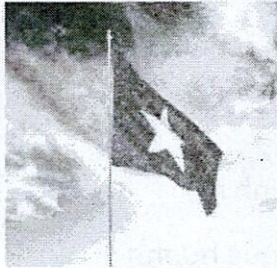
CHÍNH TẢ

Phân biệt l/n, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền các tiếng có chứa **l** hoặc **n** vào chỗ trống thích hợp:



cái _____



_____ cờ



cây _____



quả _____

Bài 2. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. (lương, nương) tiền _____, _____ thực, _____ rẫy, _____ tựa

b. (lông, nông) áo _____, _____ thôn, _____ mảy, _____ nghiệp

Bài 3. Tìm từ có tiếng chứa **l** hoặc **n** có nghĩa như sau:

a. trạng thái không phát ra tiếng động và tiếng ồn

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. trái nghĩa với “nhẹ”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Nối tiếng ở cột trái với tiếng thích hợp ở cột phải để tạo thành từ:

nóng
lúa
nông
lấp

lánh
trại
gạo
bức

Bài 5. Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống:

a. “Thế ___ à mùa xuân mong ước đã đến! Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sức ___ ước. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước ___ ạnh ___ ẻo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Các cành cây đều ___ ắm tẩm màu xanh.

b. “Chuối tiêu vàng ___ ắng thu
___ ắm tẩm màu trứng cuốc
Cong như trăng ___ ười ___ iếm
Chỉ nhìn đã thấy ngọt.”

Bài 6. Thực hiện các yêu cầu:

a. Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống và giải câu đố:

“Cũng từ ___ úa ___ ếp sinh ra
Xanh xanh từng hạt, đậm đà quê hương
Lúc ___ ằm bánh, khi ___ ấu chè
___ á sen ủ ngát đi về cùng theo.”

Là gì? _____

b. Thêm dấu hỏi hoặc dấu ngã vào những chữ in đậm và giải câu đố:

“Có chân mà **chăng** biết đi
Quanh năm suốt tháng đứng ì một nơi
Bạn bè với chiếu chần thoi
Đơ người nằm **ngu thanh** thoi đêm ngày.”

Là cái gì? _____

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về các mùa)

Đặt và trả lời câu hỏi “Khi nào?”

I. Kiến thức

– Câu hỏi “Khi nào?” dùng để hỏi về thời gian, thời điểm xảy ra sự việc.

Ví dụ: “Mẹ ơi, khi nào nhà mình đi du lịch ạ?”

– Có thể dùng những cụm từ khác: “bao giờ”, “lúc nào”, “tháng mấy”, “mấy giờ”, ...

Ví dụ: “Bạn sinh vào tháng mấy?”

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới từ ngữ không thuộc nhóm chỉ thời tiết của từng mùa:

- a. Mùa xuân: ấm áp, ẩm ướt, oi ả, mưa bụi lầy rầy.
- b. Mùa hè: nóng nực, oi nồng, lạnh buốt, nóng như nung, mưa rào.
- c. Mùa thu: se se lạnh, chớm lạnh, mát mẻ, mưa phùn gió bắc, gió heo may.
- d. Mùa đông: giá buốt, lạnh cóng, rét cắt da cắt thịt, ấm áp.

Bài 2. Nối tên mùa với đặc điểm của từng mùa cho thích hợp:

mùa xuân	Trẻ em rước đèn vào dịp Trung thu.
mùa hạ	Thời tiết nóng nực.
mùa thu	Gió mùa Đông Bắc tràn về.
mùa đông	Một năm học mới bắt đầu.
	Học sinh được nghỉ sau một năm học.
	Cây cối đâm chồi, nảy lộc.

Bài 3. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: “xuân”, “hạ”, “thu”, “đông”.

- a. _____ về làm cho tiết trời ấm áp, cây cối đâm chồi, nảy lộc.
- b. Gió bắc lạnh cắt da cắt thịt tràn về vào mùa _____.
- c. Hoa cúc nở vàng tươi, quả hồng đỏ mọng, quả thị thơm lừng vào mùa _____.
- d. Phượng vĩ nở đỏ rực, học sinh được nghỉ hè vào mùa _____.

Bài 4. Gạch dưới từ ngữ chỉ thời tiết của từng mùa trong các câu đố sau rồi giải đố:

- | | |
|--|--|
| <p>a. Mùa gì ấm áp
Mưa phùn nhẹ bay
Khắp chốn cỏ cây
Đâm chồi nảy lộc?</p> | <p>b. Mùa gì nóng bức
Trời nắng chang chang
Đi học, đi làm
Phải lo đội mũ?</p> |
| Là mùa _____ | Là mùa _____ |

c. Mùa gì se lạnh

Mây nhẹ nhàng bay

Gió khe rung cây

Lá vàng rơi rụng?

Là mùa _____

d. Mùa gì rét buốt

Gió bắc thổi tràn

Đi học đi làm

Phải lo mặc ấm?

Là mùa _____

Bài 5. Viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:

a. Em thường ăn cơm tối lúc mấy giờ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Khi nào em đi học câu lạc bộ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới:

a. Chủ nhật hằng tuần, em cùng bố mẹ về quê thăm ông bà.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chú gà trống cất tiếng gáy vào lúc sáng sớm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 7. Đặt câu với mỗi từ sau: "tháng sáu", "mùa xuân".

TẬP LÀM VĂN Đáp lời chào, lời tự giới thiệu

- Dùng lời chào khi gặp bạn bè, người lớn tuổi, người mới quen...
- Đáp lời chào hoặc lời tự giới thiệu: cần lịch sự, đúng hoàn cảnh.

PHIẾU CUỐI TUẦN 19

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Những con đường tháng giêng

"Tôi yêu những con đường Hà Nội
Cuối năm cây cơm nguội lá vàng
Những ngọn đèn thấp sáng lúc hoàng hôn
Mái phố cũ nhấp nhô trong khói nhạt.

Ngã năm rộng, cỏ ven hồ xanh mượt
Năm nay đào nở sớm, tháng giêng sang
Tháng giêng bờ ngõ búp bàng non
Nhiều trẻ con và nhiều chim sẻ.

Những con đường đông vui như tuổi trẻ
Như cuộc đời, bao kỉ niệm đi qua
Anh trở về sau những tháng năm xa
Cây đã lớn lòng ta nhiều đổi khác..."

(Theo Xuân Quỳnh)

1. Tác giả nhớ đến những con đường ở đâu?

- a. thành phố Hồ Chí Minh b. Hà Nội c. ven hồ

2. Những sự vật nào được tác giả nhắc đến khi tháng giêng sang?

- a. cỏ, xe cộ, cây đào, chim sẻ, mùa xuân
b. cây đào, búp bàng, trẻ con, chim sẻ
c. cỏ, cây đào, búp bàng, trẻ con, chim sẻ

3. Bộ phận trả lời cho câu hỏi "Khi nào?" trong câu "Những ngọn đèn thấp sáng lúc hoàng hôn." là:

- a. những ngọn đèn b. thấp sáng c. lúc hoàng hôn

4. Tháng giêng thuộc mùa nào trong năm?

- a. mùa thu b. mùa hạ c. mùa xuân



Ms HUYEN

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng các từ chỉ đặc điểm, tính chất?

- a. lá vàng, sáng, cũ, nhạt, xanh mướt
- b. cũ, sáng, vàng, nhạt, xanh mướt
- c. phổ cũ, sáng, vàng, nhạt, xanh mướt

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới các từ ngữ, hình ảnh chỉ đặc điểm của mùa hè trong đoạn văn sau:

“Thế là mùa hè đã đến! Trên những vòm lá xanh, hoa phượng đỏ bập bùng, ve sầu kêu ra rả. Mặt trời tỏa những tia nắng chói chang như muốn đốt cháy cỏ cây, nóng như thiêu đốt. Nhưng không sao, nắng hè càng làm cho trái cây trong vườn chín rộ, ngọt ngào. Và thảnh thơi, trời trở nên dịu mát vì vẫn có những cơn mưa rào xối xả.”

Bài 2. Khoanh vào các chữ cái trước thành ngữ, tục ngữ nói về thời tiết:

- a. “Non xanh nước biếc.”
- b. “Mưa thuận gió hoà.”
- c. “Chớp bể mưa nguồn.”
- d. “Đất lành chim đậu.”
- e. “Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.”
- f. “Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.”
- g. “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng / Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

- a. Khi mùa xuân đến, vạn vật sinh sôi, nảy nở.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- b. Mọi người thường đi du lịch vào mùa hè.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Viết 2 câu nói về đặc điểm thời tiết của một mùa mà em thích.

TUẦN 20: BỐN MÙA

TẬP ĐỌC

“Ông Mạnh thắng Thần Gió” (Theo A-nhông)

“Mùa xuân đến” (Theo Nguyễn Kiên)

KỂ CHUYỆN

“Ông Mạnh thắng Thần Gió”

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, iêc/iêc

Bài 1. Tìm các tiếng chứa **s** hoặc **x** điền vào chỗ trống thích hợp:

dòng _____ ánh _____ làng _____

hoa _____ màu _____ hộp bánh _____

Bài 2. Nối tiếng ở bên trái với tiếng ở bên phải để tạo các từ phù hợp:

xong
song

sắt
chuyện
xuôi
ca

Bài 3. Điền vào chỗ trống:

a. **s** hay **x**?

“Em vẽ làng ___óm

Tre ___anh, lúa ___anh

___ông máng lượn quanh

Một dòng ___anh mát.”

b. **iêc** hay **iêc**? (thêm dấu thanh nếu cần)

– nhớ thương da d___

– dự báo thời t___

– hàng cây xanh b___

– xa cách biển b___

– một công đôi v___

– dòng sông chảy x___

Bài 4. Đặt câu với mỗi từ sau: “sinh”, “xinh”.



Ms HUYEN

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về thời tiết)

Đặt và trả lời câu hỏi "Khi nào?"

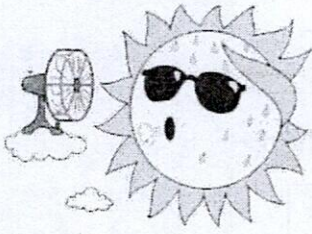
Dấu chấm và dấu chấm than

I. Kiến thức

Dấu chấm than (!) đặt ở cuối câu thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng, lời hô, lời gọi, câu dùng để yêu cầu, đề nghị...

II. Bài tập

Bài 1. Tìm từ chỉ thời tiết tương ứng với từng bức tranh rồi đặt câu với từ tìm được:



a. _____

b. _____

c. _____

Bài 2. Chọn từ phù hợp với lời giải nghĩa:

(mưa dầm, mưa phùn, mưa bóng mây, mưa đá)

a. Mưa ngắn và thưa hạt do một đám mây nhỏ đưa đến, một thoáng rồi lại tạnh.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Mưa kéo dài nhiều ngày, thường trên một diện tích rộng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Mưa có hạt đông cứng lại thành nước đá.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Mưa rất nhỏ nhưng dày hạt, có thể kéo dài nhiều ngày, thường có ở miền Bắc vào cuối mùa đông, đầu mùa xuân.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Gạch dưới từ ngữ chỉ đặc điểm của thời tiết trong các câu thơ sau:

a. "Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi."

b. "Mùa thu rải nắng sân trường
Mùa đông giá lạnh rải đường ai đi."

Bài 4. Chọn từ ngữ thích hợp ("tháng mấy", "năm nào", "mấy giờ", "ngày nào") để đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong mỗi câu sau:

a. Năm 2019, em cùng cả nhà đi du lịch tại Nha Trang.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Tháng 1, em được nhận giấy khen học sinh tiêu biểu tháng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bà em thường đi lễ chùa vào ngày rằm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Minh tan học lúc 4 giờ chiều.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Khi nào?" trong mỗi câu sau:

- Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi.
- Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi khi hoàng hôn buông xuống.
- Mỗi sáng, mỗi chiều, dòng người đều tấp nập qua lại nơi đây.
- Sáng sớm, những giọt sương long lanh đọng trên lá.

TẬP LÀM VĂN Tả ngắn về bốn mùa**I. Kiến thức**

Mùa	Thời gian	Đặc trưng
Mùa xuân	bắt đầu từ tháng giêng và kết thúc vào tháng ba	<ul style="list-style-type: none"> – Thời tiết ấm áp, dễ chịu – Thiên nhiên: hoa đào, hoa mai, hoa hồng, hoa huệ,... – Hoạt động: du xuân, tham gia lễ hội,...
Mùa hạ	bắt đầu từ tháng tư và kết thúc vào tháng sáu	<ul style="list-style-type: none"> – Thời tiết nóng bức, oi nồng – Thiên nhiên: hoa phượng nở, tiếng ve kêu râm ran,... – Hoạt động: nghỉ hè, du lịch,...
Mùa thu	bắt đầu từ tháng bảy và kết thúc vào tháng chín	<ul style="list-style-type: none"> – Thời tiết se lạnh – Thiên nhiên: lá vàng rơi, bầu trời trong xanh, hoa cúc nở rộ,... – Hoạt động: học sinh đón năm học mới, Trung thu,...
Mùa đông	bắt đầu từ tháng mười và kết thúc vào tháng mười hai	<ul style="list-style-type: none"> – Thời tiết mưa phùn gió bắc, giá lạnh – Thiên nhiên: Cây cối khẳng khiu, ấp ủ mầm sống để xuân về đâm chồi nảy lộc, cây thông Noel,... – Hoạt động: Noel, chuẩn bị đón Tết,...

Gợi ý tả một mùa trong năm:

- Em thích nhất mùa nào trong năm? Mùa đó bắt đầu từ tháng mấy?
- Thời tiết mùa đó có gì đặc biệt?
- Cảnh vật, cây cối và con người trong mùa đó thế nào?
- Cảm xúc, tình cảm của em dành cho mùa đó ra sao?

PHIẾU CUỐI TUẦN 20

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Mùa thu trong tôi

“Bốn mùa trong năm thì mùa thu êm ái, nhẹ nhàng nhất. Thời tiết thật khoan khoái dễ chịu. Nắng, gió, mưa, sương đều khác ba mùa kia. Bắt đầu là nắng. Không chói chang gay gắt như mùa hè, không yếu ớt le lói như mùa đông, không ẩm ướt run rẩy như mùa xuân, nắng thu vàng rực rỡ. Nắng nhuộm vàng cả cây cối để lá vàng xao xác gió bay bay. Đi trong rừng thu, đi dưới tán cây mùa thu mà ngắm những sợi nắng vàng tơ xuyên qua kẽ lá, nghe từng tiếng lá vàng rơi, thoang thoảng tiếng chim gù xen nữa thì dẫu có sôi nổi yêu đời đến mấy cũng sẽ thấy lòng mình tự nhiên chùng xuống mà ngẫm nghĩ. Gió mùa thu cũng khác. Se se lạnh. Man mác buồn. Không vỗ vập hồ hởi như gió hạ; không tái tê, buốt giá như gió đông; cũng không nồng nàn như gió xuân. Gió thu nhẹ nhẹ, thoang thoảng, như có, như không. Mùa thu – mùa của những kỷ niệm, hồi ức không quên, mùa no ấm đang về...”

(Sưu tầm)

- Đoạn trích trên chủ yếu viết về mùa nào trong năm?
 - mùa thu
 - mùa đông
 - mùa xuân
- Thời tiết mùa thu thế nào?
 - oi bức, nóng nực vì nắng chói chang, gay gắt
 - nắng yếu ớt và không khí ẩm ướt
 - khoan khoái dễ chịu với nắng vàng rực rỡ; trời se se lạnh
- Đi trong rừng thu, tác giả nghe thấy những âm thanh gì?
 - tiếng lá vàng rơi, sợi nắng vàng tơ
 - tiếng lá vàng rơi, tiếng chim gù
 - sợi nắng vàng tơ, tiếng chim gù
- Gió thu mang những nét gì riêng biệt?
 - tái tê, buốt giá, man mác buồn
 - vỗ vập, hồ hởi, nhẹ nhẹ
 - se lạnh, nhẹ nhẹ, thoang thoảng, như có, như không, man mác buồn
- Câu “Thời tiết thật khoan khoái dễ chịu.” thuộc kiểu câu nào?
 - Ai là gì?
 - Ai làm gì?
 - Ai thế nào?

II. Bài tập

Bài 1. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm than điền vào () trong đoạn trích sau:

“Bác Đào già nói với dòng Suối nhỏ: “Bạn Suối ơi () Bạn hãy nhìn với cả khu rừng là bác Đào già ở chân núi đã có hoa nhé ()” () Suối nhỏ đã nhanh chóng chuyển lời nhìn của bác Đào () Chẳng mấy chốc, cả khu rừng đã biết tin vui này () Ai cũng cho rằng đây đúng là chuyện thần kì của mùa xuân ()”

(Theo Vĩnh Quyên)

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

a. Ngày mai, mẹ sẽ dẫn Bình đi hiệu sách.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Mùa hè, cây phượng nở những chùm hoa đỏ thắm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Em được nghỉ học vào cuối tuần.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Vào một sáng đẹp trời, các bạn rủ nhau đi cắm trại.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Mỗi mùa trong năm có một vẻ đẹp riêng: mùa xuân ấm áp, mùa hè nóng nực, mùa thu dịu mát, mùa đông lạnh giá. Viết đoạn văn khoảng 5 câu tả một mùa mà em thích.



TUẦN 21: CHIM CHÓC

TẬP ĐỌC

"Chim sơn ca và bông cúc trắng" (Theo An-đéc-xen)

"Về chim" (Về dân gian)

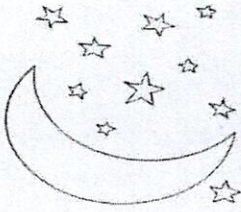
KỂ CHUYỆN

"Chim sơn ca và bông cúc trắng"

CHÍNH TẢ

Phân biệt ch/tr, uôt/uôc

Bài 1. Điền các tiếng có chứa **ch** hoặc **tr** vào chỗ trống thích hợp:



mặt _____



cái _____



quả _____



con _____

Bài 2. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. bức _____, quả _____ (tranh, chanh)

b. bánh _____, _____ bày (chưng, trưng)

c. ông _____, _____ cứu (cha, tra)

d. con _____, _____ lỗi (chuột, chuộc)

Bài 3. Điền vào chỗ trống:

a. **ch** hay **tr**?

_____im sẻ

cây _____e

_____ụp ảnh

_____ao đổi

b. **uôt** hay **uôc**? (thêm dấu thanh nếu cần)

trắng m_____

chim c_____

rau l_____

c_____đời

th_____lòng

lạnh b_____

chải ch_____

trong s_____

Bài 4. Điền **ch** hoặc **tr** vào chỗ trống:

"Ôi _____ao! Chú _____uôn _____uôn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng _____ên lưng chú lấp lánh. Cái đầu _____òn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân _____ú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. _____ú đậu _____ên một cành lộc vừng ngả dài _____ên mặt hồ."

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về chim chóc)

Đặt và trả lời câu hỏi “Ở đâu?”

I. Kiến thức

Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về địa điểm xảy ra sự việc.

Ví dụ: Các bạn học sinh đang nô đùa ở đâu?

II. Bài tập**Bài 1.** Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(chim én, chim sáo, chim sâu, chim cuốc)

- Bay ngang, bay dọc báo mùa xuân về là đàn _____.
- Tiếng kêu da diết, ở bụi ở bờ, báo mùa hè tới là con _____.
- Luôn chân nhảy nhót, vạch lá tìm sâu là chú _____.
- Bắt chước tiếng người, báo nhà “có khách” là anh _____.

Bài 2. Gạch dưới tên các loài chim có trong bài đồng dao sau:

“Hay chạy lon ton

Hay nghịch hay tếu

Là gà mới nở

Là cậu chìa vôi

Vừa đi vừa nhảy

Hay chao đớp mồi

Là em sáo xinh

Là chim chèo bẻo

Hay nói linh tinh

Tính hay mách lẻo

Là con liều điếu

Thím khách trước nhà.”

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

“Chim sơn ca _____ (bay, liệng) lên cao rồi _____ (chao, sà) sát mặt ruộng.
 Tiếng chim _____ (kêu, hót) _____ (ngân vang, ngân nga) khắp bầu trời
 xanh. lát sau, dường như đã _____ (mệt, mỏi) cánh, chúng đậu xuống bãi cỏ non.”

Bài 4. Đọc đoạn văn sau và làm theo các yêu cầu:

Cánh đồng chim ở Nam Bộ

“Cánh đồng đang bừng nắng. Chim bay từng đàn, thoát hạ cánh đậu chỗ này, thoát chợp cánh bay đi chỗ khác. Chim ác là có tới mấy ngàn con riu rít là là trên mặt ruộng. Chim tu hú ở đâu không thấy mặt, mà chỉ nghe tiếng kêu vòng vọng. Con chim te te kêu hoành hoạch, cái giống chim có tiếng kêu mới hồi hải làm sao.”

(Theo Anh Đức)

a. Gạch dưới tên các loài chim được nhắc đến trong đoạn văn trên.

b. Ghi lại các từ ngữ tả tiếng kêu của từng loài chim:

Chim ác là: _____

Chim tu hú: _____

Chim te te: _____

Bài 5. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

a. Đàn gà đang kiếm ăn trong khu vườn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chú mèo đang đùa nghịch ở góc nhà.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Mùi thơm của hoa sữa lan toả khắp khu phố.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TẬP LÀM VĂN Đáp lời cảm ơn

Tả ngắn về loài chim

I. Kiến thức

Gợi ý tả ngắn về loài chim:

- Tên loài chim định tả là gì?
- Loài chim đó có màu sắc, hình dáng như thế nào? Chúng thường sống ở đâu, thức ăn của chúng là gì?
- Loài chim đó có những đặc tính gì khác với các loài chim khác?

II. Bài tập

Viết đoạn văn khoảng 6 câu miêu tả một loài chim mà em biết.

PHIẾU CUỐI TUẦN 21

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bạn người đi biển

“Hải âu là bạn của người đi biển. Chúng báo trước cho họ những cơn bão. Lúc trời sắp nổi bão, chúng càng bay nhiều, vờn sát ngọn sóng hơn và về ổ muộn hơn, chúng cần kiếm mồi sẵn cho lũ con ăn trong nhiều ngày, chờ khi biển lặng.

Hải âu còn là dấu hiệu của điểm lạnh. Ai đã từng lên đênh trên biển cả dài ngày, đã bị cái bóng bênh của sóng gió làm say... mà thấy những cánh hải âu, lòng lại không cháy bùng hi vọng? Chúng báo hiệu đất liền, báo hiệu sự bình an, báo trước bến cảng hồ hởi, báo trước sự sum họp gia đình sau những ngày cách biệt đằng đẵng.

Buổi sớm, ngược hướng chúng bay đi tìm ăn và buổi chiều theo hướng chúng về ổ, con thuyền sẽ tới được bờ.

Đó là lí do vì sao mà người dân chài ghé bến sau chuyến lưới đêm lại tung cá và mực xuống đãi chúng bữa ăn buổi sáng.”

(Theo Vũ Hùng)

1. Vì sao người ta gọi hải âu là bạn của người đi biển?
 - a. Chim hải âu báo trước cho người đi biển những cơn bão sắp đến.
 - b. Chim hải âu báo cho người đi biển những nơi có nhiều cá
 - c. Chim hải âu luôn bay sát theo thuyền của người đi biển.
2. Lúc trời sắp nổi bão, chim hải âu thường làm gì?
 - a. Chúng kêu vang khắp mặt biển.
 - b. Chúng bắt đầu sửa lại tổ cho lũ con tránh bão.
 - c. Chúng càng chăm chỉ kiếm mồi cho lũ con ăn trong nhiều ngày, chờ khi biển lặng.
3. Vì sao những ai đã từng lên đênh trên biển cả dài ngày, khi nhìn thấy những cánh chim hải âu, lòng lại bùng cháy lên hi vọng?
 - a. Chim hải âu báo hiệu bão sắp tan.
 - b. Chim hải âu báo hiệu đất liền, sự bình an, sự sum họp cùng gia đình.
 - c. Chim hải âu báo hiệu trời sắp mưa lớn.
4. Người dân chài ghé bến sau chuyến lưới đêm thường làm gì để cảm ơn chim hải âu?
 - a. Họ tung cá và mực để đãi hải âu bữa ăn buổi sáng.
 - b. Họ lấy cơm để đãi hải âu bữa ăn buổi sáng.
 - c. Họ hát lên bài hát kéo lưới.

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống:

a. **tr** hay **ch**?

- Mỗi _____ iếc nồm là một lâu đài kiến _____ úc tân kì.
- Một tiếng “dạ” _____ ong _____ ẻo cất lên. Đó là một cậu bé _____ ạc mười ba tuổi, tóc còn để _____ ái đào, mặc bộ quần áo nâu thẫm của người vùng biển.

b. **uôt** hay **uôc**? (thêm dấu thanh nếu cần)

- Thấy th _____ như mẹ hiền.
- Con mèo dường như có mặt ở khắp mọi nơi, luôn sẵn sàng móng v _____ để vồ mỗi ngay lập tức. Vì lũ ch _____ cứ nép mình sát trong hang, mèo thấy rằng nó phải dùng mẹo mới bắt được ch _____.

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

a. Mấy con thiên nga bơi dập dềnh trên mặt nước.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Con giun đất suốt ngày hì hục đào đất dưới gốc cây.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Khí con lúc nào cũng đánh đu trên cành cây.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Giải các câu đố sau:

a.



Chim gì có cánh không bay
Chỉ bơi với lặn suốt ngày dưới băng?

Là: _____

b.



Chim gì biểu tượng hòa bình
Cả nhân loại lẫn chúng mình đều yêu?

Là _____

TUẦN 22: CHIM CHÓC

TẬP ĐỌC

"Một trí khôn hơn trăm trí khôn"

"Cò và Cuốc" (Theo Nguyễn Đình Quang)

KỂ CHUYỆN

"Một trí khôn hơn trăm trí khôn"

CHÍNH TẢ

Phân biệt d/r/gi, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. Mẹ dỗ _____ yêu thương. (dành/ rành/ giành)
- b. Mẹ mua bánh _____ cho em ăn sáng. (dò/ rò/ giò)
- c. Cá heo sinh con và nuôi con bằng _____. (sữa/ sửa)
- d. Hằng ngày, các bạn _____ cần chăm tập thể dục. (trẻ/ trê)

Bài 2. Điền **r, d** hoặc **gi** vào chỗ trống:

- a. "Tiếng _____ ừa làm _____ ụ nắng trưa
Gọi đàn _____ ó đến cùng _____ ừa mùa _____ eo
Trời trong đầy tiếng _____ ì _____ ào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay _____ a."
(Theo Trần Đăng Khoa)

- b. "Mưa _____ ăng trên đồng
Uốn mềm ngọn lúa
Hoa xoan theo _____ ó
_____ ải tím mặt đường."

- c. "Cây mai cao trên hai mét, _____ áng thanh, thân thẳng như thân trúc. Gốc lớn bằng bắp tay, cành vươn đều, nhánh nào cũng _____ ắn chắc."

Bài 3. Thêm dấu hỏi hoặc dấu ngã vào những chữ in đậm:

"Ông Thọ **phai** bay xa tìm **nhưng** bông hoa vừa **nở**. Con đường trước mắt Ông Thọ **mơ** rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào, Ông Thọ **cung** thấy ông mặt trời cười. Nụ cười của ông hôm nay càng rạng **rỡ**."

Bài 4. Gạch dưới các từ viết sai chính tả và sửa lại:

“Ba cậu bé rủ nhau vào giùng chơi, trong giùng có nắm, có quả dưng. Lại có đủ thứ thật hấp răn. Ba cậu mãi chơi nên không để ý nà trời đã về chiều, sắp tối. Về bây rờ thì biết nói với bố mẹ da sao đây?”

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về loài chim)

Dấu chấm, dấu phẩy

Bài 1. Đoán tên của mỗi loài chim theo gợi ý:

a. Loài chim ăn thịt, có cặp mắt to tròn, thường kiếm ăn vào ban đêm:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Loài chim biểu tượng cho hòa bình, thường có màu trắng, mắt to tròn:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Loài chim nhỏ, màu sắc sặc sỡ, thường dùng mỏ gõ vào thân cây để bắt sâu, kiến:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Xếp tên các loài chim vào nhóm thích hợp:

cú mèo, vàng anh, gõ kiến, bói cá, chim sâu, tu hú, cuốc, cánh cụt, quạ

– Gọi tên theo hình dáng:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Gọi tên theo tiếng kêu:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Gọi tên theo cách kiếm ăn:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Giải các câu đố:

- a. "Lượn bay biển lớn sớm trưa
Sóng gió chẳng quản nắng mưa chẳng sờn."
Là: _____
- b. "Chim gì dang cánh lượn bay
Cấp nòng công chúa truyện ngày cổ xưa?"
Là: _____
- c. "Chim gì nhỏ nhỏ
Cái mỏ xinh xinh
Chăm nhặt, chăm tìm
Bắt sâu cho lá?"
Là: _____

Bài 4. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong những câu sau:

- a. Những chùm hoa trắng muốt nhỏ như những chiếc chuông tí hon.
b.Ếch con ngoan ngoãn chăm chỉ và thông minh.
c. Hươu sợ bóng tối sợ thú dữ sợ cả tiếng động lạ.
d. Ngoài giờ học chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm.

Bài 5. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy thích hợp vào () trong đoạn trích:

"Ngày xưa () Gà Trống có thể bay cao và bay xa nhất trong họ nhà chim và được trao tặng một chiếc mũ miện đỏ chói () Gà Trống kiêu hãnh lắm và nó thường ngửa cổ gáy vang: "Ồ...ó...o... nhà vô địch chính là ta!" ()

Thế rồi () ngày nào Gà Trống cũng chỉ say sưa ca hát mà không chịu tập luyện gì nữa () Chẳng bao lâu () Gà Trống đã béo phì ra ()"

(Trường Sơn)

PHIẾU CUỐI TUẦN 22

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Mơ ước của Vành Khuyên

“Chiếc tổ Vành Khuyên nhỏ xíu nằm lọt giữa hai chiếc lá bưởi. Đêm đêm, mùi lá bưởi thơm cả vào những giấc mơ. Mấy anh em Vành Khuyên nằm gối đầu lên nhau, mơ một ngày khôn lớn sải cánh bay ra trời rộng.

Rồi ngày ấy cũng đến. Buổi sáng đầu tiên vỗ đôi cánh non mềm chuyển lên cành bưởi gần nhất, Vành Khuyên nhìn thấy bác Chào Mào.

– Chào bác!

Bác Chào Mào giật mình:

– Vành Khuyên đấy à! Đã ra dáng lắm rồi nhỉ?

Vành Khuyên bẽn lẽn chuyển sang cành khác. Nó lại nhìn thấy tí trên ngọn tre cao, anh Chích Chòe đang khoan khoái rửa lông, tắm nắng buổi sớm:

– Chào em. Nhớ khi bay chỉ nhìn về phía trước thôi nhé!

Nghe theo lời anh Chích Chòe, Vành Khuyên luôn luôn nhìn về phía trước. Và nó gặp bao nhiêu nhân vật lí thú: vũ nữ Chìa Vôi, bình luận viên bóng đá Liễu Điếu, nhà văn lão thành Quạ... Ai cũng chào đón nó. Vùng đất nào cũng tươi đẹp. Đôi cánh cứng cáp lên, Vành Khuyên bay mãi, bay mãi...”

(Theo Trần Đức Tiến)

1. Chiếc tổ của Vành Khuyên ở đâu?

- a. trong hốc cây b. nằm lọt giữa hai chiếc lá bưởi c. trên ban công

2. Khi còn nhỏ, Vành Khuyên đã mơ ước điều gì?

- a. Vành Khuyên mơ được gặp nhiều nhân vật lí thú.
b. Vành Khuyên mơ được đến những vùng đất tươi đẹp.
c. Vành Khuyên mơ một ngày khôn lớn sải cánh bay ra trời rộng.

3. Từ lúc được sải cánh bay ra khỏi tổ, Vành Khuyên đã gặp gỡ những ai?

- a. bác Chào Mào, anh Chích Chòe
b. Chìa Vôi, Liễu Điếu, Quạ
c. Chào Mào, Chích Chòe, Chìa Vôi, Liễu Điếu, Quạ...

4. Đôi cánh của Vành Khuyên thế nào sau khi đến nhiều vùng đất tươi đẹp?

- a. cứng cáp lên b. non mềm c. yếu ớt hơn

II. Bài tập

Bài 1. Chọn tiếng trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

- _____ ba, vấp _____, _____ nghiêng (ngả/ ngã)
- nhẵn _____, _____ đá, khuyên _____ (nhủ/ nhũ)

Bài 2. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào () và viết hoa đầu câu:

“Một buổi sáng () chú chim sâu giật mình thức giấc () bỗng ngỡ ngàng thấy ngay trước tổ rung rinh một cành hoa trắng: cành hoa mận () khắp vườn chưa có cây nào ra hoa () bông hoa trắng giản dị () hiền lành mà ngời sáng cả bầu trời đông còn giá rét ()”

Bài 3. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?”, “Khi nào?” trong các câu sau:

- a. Khi mùa xuân về, rừng cây lại ngào ngạt hương thơm.
- b. Các bạn nam đang đá bóng trên sân trường.
- c. Mùa hè, mặt trời tỏa những tia nắng chói chang, rực rỡ.
- d. Đám bèo lục bình trôi trên mặt nước.
- e. Ven rừng, bầy nai nhỏ đang đi kiếm ăn.

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

- a. Hai bên đường, những cây phượng đã nở rộ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- b. Những hôm mưa phùn gió bắc, trời rét cóng tay.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- c. Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.

PHIẾU ÔN SỐ 5

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Ong xây tổ

“Các em hãy xem kia, một bầy ong đang xây tổ. Lúc đầu, chúng bám vào nhau thành từng chuỗi như cái màn mảnh. Con nào cũng có việc làm. Các chú ong thợ lần lượt rời khỏi hang lấy giọt sáp dưới bụng do mình tiết ra trộn với nước bọt thành một chất đặc biệt để xây thành tổ. Hết sáp, chú thợ rút lui về sau để những chú khác tiến lên xây tiếp. Những bác ong thợ già, những anh ong non không có sáp thì dùng sức nóng của mình để sưởi ấm cho những giọt sáp của ong thợ tiết ra. Chất sáp lúc đầu dính như hổ, sau khô đi thành một chất xốp, bền và khó thấm nước.

Cả bầy ong làm việc thật đông vui, nhộn nhịp nhưng con nào cũng biết tuân theo kỉ luật, con nào làm việc cũng hết sức tiết kiệm “vôi vữa”.

Chỉ vài ba tháng sau, một tổ ong đã được xây xong. Đó là một tòa nhà vững chãi, ngăn nắp, trật tự, có hàng ngàn căn phòng giống hệt nhau.”

(Sưu tầm)

1. Ong nào tiết ra những giọt sáp?
 - a. ong thợ
 - b. ong chúa
 - c. ong non
2. Hết sáp, ong thợ làm gì?
 - a. Ong thợ dùng sức nóng để sưởi ấm những giọt sáp.
 - b. Ong thợ tiến lên xây tổ tiếp.
 - c. Ong thợ rút lui về sau để những chú ong khác tiến lên xây tiếp.
3. Những bác ong thợ già, những anh ong non không có sáp thì làm gì?
 - a. rút lui về sau để ong thợ xây tổ
 - b. dùng sức nóng của mình để sưởi ấm cả đàn ong
 - c. dùng sức nóng của mình để sưởi ấm cho những giọt sáp của ong thợ tiết ra
4. Tổ ong được miêu tả là một tòa nhà như thế nào?
 - a. vững chãi, nguy nga, lộng lẫy, đầy màu sắc
 - b. vững chãi, ngăn nắp, trật tự, có hàng ngàn căn phòng giống hệt nhau
 - c. nhỏ nhắn, giản dị với nhiều ô cửa sổ

5. Cả bầy ong làm việc như thế nào?

- đông vui, nhộn nhịp, kỉ luật, tiết kiệm
- đông vui, nhộn nhịp, có trật tự
- đông vui, nhộn nhịp

II. Bài tập

Bài 1. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

a. Mùa hè, cây cối trong vườn xanh um.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Những cánh bèo trôi bồng bềnh trên mặt nước.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Vào buổi trưa, mặt trời lên cao chiếu rọi xuống mặt biển xanh thẳm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy thích hợp vào () và viết hoa đầu câu:

“Trong cái tổ ở hốc cây có một chú sóc () sóc có bộ lông màu xám thẫm phía trên lưng nhưng dưới bụng lại đỏ hung () chóp đuôi cũng đỏ () sóc béo múp () lông nhẵn mượt () đuôi xù như cái chổi và hai mắt tinh nhanh () sóc không đứng yên lúc nào () thoắt trèo thoắt nhảy lẹ lúc chỉ nhìn thấy cái đuôi phất phất ()”

(Theo Ngô Quân Miện)

Bài 3. Đánh số thứ tự vào ô trống trước mỗi câu để tạo thành truyện “*Sư Tử, Lừa và Cáo*”:

- Sư Tử, Lừa và Cáo cùng đi săn và kiếm được khá nhiều mồi.
- Sư Tử lệnh cho Lừa chia phần.
- Sau đó, Sư Tử lệnh cho Cáo chia lại mồi.
- Sư Tử thấy vậy thì tức giận, nhảy xổ tới xé xác Lừa.
- Lừa chia số mồi làm ba phần đều nhau.
- Sư Tử cười, bảo: “Ai dạy ngươi biết chia phần khéo thế?”.
- Cáo chia gần hết số mồi cho Sư Tử, giữ cho mình phần nhỏ xíu.
- Cáo đáp: “Con Lừa nó dạy tôi đấy ạ!”.

TUẦN 23: MUÔNG THỨ

TẬP ĐỌC

"Bác sĩ Sói" (Theo La Phong-ten)

"Nội quy Đảo Khi" (Theo Nguyễn Trung)

KỂ CHUYỆN

"Bác sĩ Sói"

CHÍNH TẢ

Phân biệt l/n, ước/ướt

Bài 1. Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống:

a. "Hoa gì không ___ ở ban ngày
___ ửa đêm mới ___ ở ___ ại nhanh chóng tàn?"

b. "Gió ___ ên vườn cải tốt tươi
___ á xanh như mảnh mây trời ___ ao xao.

Em đi múc ___ ước dưới ao

Chiều chiều em tưới, em rào, em trồng.

Sáng ___ ay bướm đến ___ ượn vòng

Thì ra cải đã ___ ên ngồng vàng tươi."

(Trần Đăng Khoa)

Bài 2. Điền **ước** hoặc **ướt**: (thêm dấu thanh nếu cần)

a. xanh m_____ l_____ thướt b_____ chân

r_____ đèn chiếc l_____ lần l_____

c. - Dù khó khăn không lùi b_____. - Họ lũ l_____ kéo nhau đi xem hội.

- Tà áo th_____ tha. - Trống đánh xuôi, kèn thổi ng_____.

- Ông trông nom vườn t_____. - B_____ thấp, b_____ cao.

Bài 3. Tìm từ có tiếng chứa vần **ước** hoặc **ướt** có nghĩa như sau:

a. Đồ dùng để chải tóc, có nhiều răng liền nhau: _____

b. Làm theo kiểu của người khác một cách máy móc: _____

c. Đồ chơi của trẻ em, gồm một đường máng dài có mặt phẳng nhẵn, có thành chắc chắn hai bên, đặt dốc lên để trượt từ trên xuống: _____

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ (từ ngữ về muông thú)

Đặt và trả lời câu hỏi “Như thế nào?”

I. Kiến thức

Câu hỏi “Như thế nào?” dùng để hỏi về đặc điểm, tính chất, mức độ của hoạt động, trạng thái được nói đến trong câu.

Ví dụ: “Thỏ chạy như thế nào?”

II. Bài tập

Bài 1. Nối tên các con vật với đặc điểm của chúng để tạo câu:

1. Hổ	a. là con vật to lớn, hiền lành, thức ăn của nó là cỏ và lá cây.
2. Khỉ	b. là thú dữ, to lớn, lông màu vàng có vằn đen.
3. Voi	c. là con vật láu lỉnh, hay bắt chước, leo trèo giỏi.
4. Cáo	d. là con vật có vóc dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn; chúng ăn các loại hạt và quả.
5. Nai	e. là con vật sống ở trong rừng, thường xuất hiện trong các câu chuyện với vẻ ranh mãnh, gian ác.
6. Sóc	f. là loài vật cùng họ với hươu, lông màu vàng sẫm, hiền lành.

Bài 2. Sắp xếp tên các con vật sau vào nhóm thích hợp:

chích chòe, hươu sao, hổ, báo, gõ kiến, cú mèo, nai, vẹt, voi,

họa mi, sơn ca, gấu, sóc, đại bàng

Nhóm 1: loài chim

Nhóm 2: loài thú

Bài 3. Chọn và điền tên các loài chim hoặc thú thích hợp vào chỗ trống:

(gà, thỏ, ngựa, sáo, ong, bò, quạ, chó, voi, cọp, cáo)

- a. " _____ cùng một mẹ chớ hoài đá nhau."
- b. " _____ tắm thì ráo, _____ tắm thì mưa."
- c. "Nhát như _____ để."
- d. "Một con _____ đau, cả tàu bỏ cỏ."
- e. " _____ cây gần nhà, _____ cây gần chuồng."
- f. "Dữ như _____"
- g. "Khỏe như _____"
- h. "Mất _____ mới lo làm chuồng."
- i. "Nuôi _____ tay áo, nuôi _____ trong nhà."

Bài 4. Giải các câu đố sau:

a. "Con gì nhảy nhót leo trèo
Mình đẩy lông lá nhăn nheo làm trò?"
Là: _____

b. "Lông vằn, lông vện, mắt xanh
Dáng đi uyển chuyển, nhe nanh tìm mồi
Thỏ, nai gặp phải, hỡi ôi!
Muông thú khiếp sợ tôn ngôi chúa rừng."
Là: _____

c. "Đầu nhỏ mà có bốn chân
Lưng đầy tên nhọn, khi cần bắn ngay."
Là: _____

Bài 5. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới trong các câu sau:

a. Hồ gầm vang vách núi.

b. Vượn trèo nhanh thoăn thoát.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Đàn voi đi đủng đỉnh trong rừng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Tiếng chim sơn ca véo von trong vòm lá.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TẬP LÀM VĂN Viết nội quy

Viết một số điều em cần làm trước khi đến lớp.

PHIẾU CUỐI TUẦN 23

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Thỏ và Bò

“Trong rừng xanh sâu thẳm, Thỏ Trắng đang rong chơi, bất ngờ Chó Xồm từ phía sau nhảy bổ ra. Thỏ Trắng bị Chó Xồm rượt đuổi đến lúc không làm sao trốn đi được nữa. Bỗng Thỏ Trắng thấy Bò đang đứng gặm cỏ, Thỏ Trắng liền vừa chạy vừa kêu cứu trong khi Chó Xồm cũng vừa xô đến.

Bò bèn đứng chắn ngang đường, lớn giọng “phì, phì” một cách hung hăng khiến Chó Xồm sợ quá cúp đuôi bỏ chạy.

Xong Bò quay lại hỏi Thỏ Trắng:

- Chắc gì tớ đã bênh cậu mà cậu chạy tới cậy nhờ?

Thỏ Trắng đáp:

- Khi cái chết đã đến sau lưng thì người xa lạ trước mặt cũng tin là bạn, huống hồ gì chúng mình đã quen nhau.”

(Sưu tầm)

1. Thỏ Trắng, Bò và Chó Xồm sống ở đâu?

- a. trong rừng xanh sâu thẳm b. ở sở thú c. trong một ngôi nhà

2. Chuyện gì đã xảy ra với Thỏ Trắng?

- a. Thỏ Trắng bị Bò ăn tranh cỏ.
b. Thỏ Trắng bị Chó Xồm rượt đuổi.
c. Các bạn không chơi với Thỏ Trắng vì Thỏ Trắng kiêu ngạo.

3. Khi bị Chó Xồm rượt đuổi, Thỏ Trắng đã làm gì?

- a. Thỏ Trắng về nhà khóc, nhờ bố mẹ giúp đỡ.
b. Thỏ Trắng trốn trong một bụi cây.
c. Thỏ Trắng chạy đến chỗ Bò và kêu cứu.

4. Bò đã làm gì để cứu Thỏ Trắng?

- a. Bò đứng chắn ngang đường, lớn giọng “phì, phì” một cách hung hăng.
b. Bò bèn đứng chắn ngang đường làm cho Chó Xồm bị ngã.
c. Bò kêu tiếng thật to làm cho Chó Xồm sợ.

5. Câu chuyện trên cho chúng ta biết điều gì?

- a. Thỏ Trắng và Bò là đôi bạn rất thân.
b. Bạn bè luôn tin tưởng, giúp đỡ nhau những lúc gặp nạn.
c. Thỏ Trắng rất tốt bụng.

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống:

a. l hay n?

liên ____ ạc ____ ườn nướp ____ ắp ____ ó

cây ____ úa ____ óng ____ ảy ____ íu kéo

b. ươc hay ươt? (thêm dấu thanh nếu cần)

đất n ____ m ____ mà v ____ qua

ng ____ dòng ng ____ mắt b ____ đi

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Voi kéo gỗ bằng bằng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Thỏ chạy nhanh như tên bắn.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Máy chú khỉ con nằm ngoan ngoãn bên khỉ mẹ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

“Con chim bói cá đang rình mồi () đậu im phăng phắc trên cái cọc tre nhô cao khỏi mặt nước () trông nó chỉ bằng quả muỗm non () mỏ to () đầu nhỏ () đuôi ngắn cũn () Nó có bộ lông xanh biếc cứ ngồi lên lóng la lóng lánh dưới ánh nắng như một viên ngọc quý ()”

TUẦN 24: MUÔNG THỨ

TẬP ĐỌC

“Quả tim khi”

“Voi nhà” (Theo Nguyễn Trần Bé)

KỂ CHUYỆN

“Quả tim khi”

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, uc/ut

Bài 1. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống:

__ôn__ao

cây __ung

__oản lại

cây __oan

cây __ôi

dòng __uối

Bài 2. Điền **uc** hoặc **ut**: (thêm dấu thanh nếu cần)

hao h__

l__ội

r__rè

x__động

r__rích

ph__hậu

s__bóng

m__nát

kh__khích

– Sông có kh__ người có l__.

– Chết vinh còn hơn sống nh__.

– B__ chùa nhà không thiêng.

– Đ__ nước béo cò.

– Hiền như b__.

– B__ sa gà chết.

Bài 3. Tìm các từ chứa tiếng có vần **ut** hay **uc** phù hợp với lời giải nghĩa sau:

– Hoa màu vàng, có những cánh nhỏ, nở nhiều vào mùa thu: _____

– Đồ dùng học tập để viết hoặc vẽ lên giấy: _____

Bài 4. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống:

Khu vườn về khuya

“Khuya. Cảnh vật lặng yên. Từ đâu có chú đế ngân nga bài ca bất hủ. Cả khu vườn lao __ao. Tất cả các loài vật tỉnh giấc. Chuồn chuồn diện bộ cánh __ặc __ỡ.Ếch ta khoác bộ áo __anh, __ánh vai cạnh chị cua bò ngang khắp bờ ao. Kiến đi thành hàng thẳng tắp... Nhạc vang __a, náo nhiệt cả khu vườn.”

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về loài thú)

Dấu chấm, dấu phẩy

Bài 1. Gạch dưới các từ chỉ sự vật, khoanh vào các từ chỉ đặc điểm, tính chất trong đoạn thơ sau:

“Đi chợ mua hàng	Có thêm tí bột	Nấu với tôm cá
Tim các loại rau	Là nắm rau đay	Là rau cải xanh
Vị ngọt hàng đầu	Mát ruột mới hay	Nấu canh rất lành
Là mớ rau ngót	Là bó rau má	Là rau láo nháo.”

Bài 2. Nối tên con vật ở cột A với từ chỉ đặc điểm thích hợp ở cột B:

A	B
cáo	hiền lành
thỏ	hay bắt chước
sóc	nhút nhát
sư tử	ting ranh
khỉ	nhanh nhẹn
nai	dữ tợn

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(gấu, voi, khỉ, ngựa, nai, thỏ, chó sói, hổ)

“Nhát nhát trong rừng	Đi đứng hiên ngang
Chính là con _____	Là _____ to nặng
Tính tình hung dữ	Tính tình thẳng thắn
Là lão _____ vằn.	Là _____ phi nhanh
Vốn dĩ ting ranh	Vừa dữ vừa lành
Là con _____	Tò mò như _____
Hiền lành bên suối	Bầy đàn con cháu
Là chú _____ vàng.	Lũ _____ leo cây.”

(Sưu tầm)

Bài 4. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm thích hợp điền vào chỗ trống:

- a. Con ngựa phi _____
- b. Con rùa đi _____
- c. Trên cành cây, chim hót _____

Bài 5. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau:

- a. Những đàn bướm trắng bướm vàng bay đến thoảng đở rồi bay đi.
- b. Mùa xuân phượng ra lá.
- c. Nhà tôi ở Hà Nội cách Hồ Gươm không xa.
- d. Một ngày đầu năm bốn nàng tiên Xuân Hạ Thu Đông gặp nhau.
- e. Mẹ đưa tôi đi mua sách giáo khoa vở ô li hộp bút.

Bài 6. Điền dấu chấm, dấu phẩy thích hợp vào () trong đoạn trích:

"Từ trong quả bầu () những con người bé nhỏ nhảy ra () Người Khơ-mú nhanh nhẩu ra trước () Tiếp đến () người Thái () người Tày () người Nùng () người Mường () người Dao () người Kinh lần lượt ra theo () Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay ()"

TẬP LÀM VĂN Đáp lời phủ định

I. Kiến thức

Khi người nói đưa ra ý kiến, người nghe phủ nhận ý kiến đó thì người nói cần đáp lại thể hiện sự thông cảm, chia sẻ.

II. Bài tập

Khoanh vào chữ cái trước câu đáp lời phủ định lịch sự cho mỗi tình huống sau:

- a. An muốn đi xem phim vào Chủ nhật nhưng mẹ lại bận. An đáp:
 - a1. Không chịu đâu! Con thích đi cơ.
 - a2. Vâng mẹ, thế hôm khác mẹ cho con đi cũng được ạ.
 - a3. Cả tuần có mỗi Chủ nhật mà mẹ cũng bận.
- b. Lan mang đến lớp một quyển truyện. My muốn mượn để đọc nhưng Lan không đồng ý. My bảo:
 - b1. Sao cậu ích kỉ thế, cho tớ mượn chút mà cũng khó khăn.
 - b2. Từ giờ tớ cũng không cho cậu mượn gì cả.
 - b3. Vậy khi nào cậu đọc xong thì có thể cho tớ mượn nhé! Cảm ơn cậu!

PHIẾU CUỐI TUẦN 24

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Thỏ con thông minh

“Trong khu rừng nọ có một chú Thỏ con thông minh sống cùng mẹ. Ngày ngày, Thỏ con thường tung tăng chạy ra bờ sông uống nước. Trước khi đi, bao giờ Thỏ mẹ cũng nhắc:

– Con phải cẩn thận nhé vì Cáo và Chó Sói cũng hay ra sông dạo chơi lắm đấy!

Thế rồi một ngày nọ, sau khi khom lưng uống một hơi no bụng, Thỏ con ngẩng lên nhìn thì đã thấy Cáo đang tiến lại gần mình với vẻ mặt rất thân thiện:

– Chào Thỏ con, lên lưng anh công vào rừng hái nấm và hoa nào!

Thỏ con chần chừ nhìn Cáo. Chợt nhớ lời mẹ dặn, Thỏ con hồ hởi, tươi cười nói:

– Em thích lắm nhưng anh Cáo ơi, chờ em về nhà lấy nón đội che nắng đã nhé!

Nói rồi Thỏ con nhanh nhẹn chạy ào về nhà. Sà vào lòng mẹ, Thỏ con kể lại câu chuyện gặp Cáo và cách nó dụ khị con Cáo gian ác để chạy về với mẹ. Thỏ mẹ ôm Thỏ con vào lòng, khen con thông minh và nhanh trí.

Ngoài bờ sông, con Cáo gian ác và ngờ nghệch cứ đứng chờ mãi, chờ mãi mà không thấy Thỏ con trở lại. Cuối cùng, khi ông mặt trời đã đi ngủ, nó không thể chờ được nữa nên đành ôm cái bụng đói meo lủi về rừng.”

(Sưu tầm)

1. Thỏ con thường ra bờ sông làm gì?

- a. uống nước b. chơi đùa c. hái hoa và nấm

2. Trước khi Thỏ con chạy ra bờ sông, Thỏ mẹ thường nhắc điều gì?

- a. phải mặc áo ấm vì bên ngoài rất lạnh
b. phải cẩn thận vì Cáo và Chó Sói hay ra bờ sông dạo chơi
c. phải cẩn thận để không bị ngã xuống sông

3. Khi Cáo rủ vào rừng hái nấm và hoa, Thỏ con đã làm gì?
- a. trèo lên lưng Cáo để Cáo công vào rừng hái nấm và hoa
 - b. hồ hởi, tươi cười đi chơi cùng Cáo
 - c. giả vờ về lấy nón đội cho đỡ nắng rồi nhanh nhẹn chạy ào về nhà
4. Thỏ mẹ khen Thỏ con điều gì?
- a. khen con thông minh, nhanh trí
 - b. khen con chạy nhanh khiến Cáo không đuổi kịp
 - c. khen con biết chào hỏi lễ phép
5. Ghi lại 5 từ chỉ đặc điểm, tính chất có trong câu chuyện trên:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới tên con vật không cùng loại trong mỗi nhóm sau:

- a. hổ, báo, nai, gà, sóc
- b. nai, chó sói, báo, sư tử
- c. hươu, nai, sư tử, thỏ, chồn
- d. khỉ, vượn, gấu, đười ươi

Bài 2. Tìm tên con vật thích hợp điền vào chỗ trống:

- a. _____ lững thững kéo gỗ về bản.
- b. _____ đi lặc lè tìm những hạt dẻ.
- c. _____ gặm vang vách núi.
- d. _____ tung bôm phi nước đại.

Bài 3. Điền dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp và viết hoa đầu câu:

“Buổi chiều nắng vừa tắt lũ chim đã bay về vườn chúng gọi nhau ríu ran chúng hỏi nhau xem đã bay đi những đâu từ sáng đến giờ chúng gù lên những tiếng ầm áp hạnh phúc khu vườn ngập tràn niềm vui”

TUẦN 25: SÔNG BIỂN

TẬP ĐỌC “Sơn Tinh, Thủy Tinh” (Theo Truyện cổ Việt Nam)

“Bé nhìn biển” (Trần Mạnh Hào)

KỂ CHUYỆN “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

CHÍNH TẢ Phân biệt ch/tr, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền **ch** hoặc **tr** vào chỗ trống:

Trăng biển

“Em nhìn ____ ăng ____ ở đây

Từ mặt biển ____ ân ____ ời

Khi triều dâng căng ngực

Biển bạc đầu ____ ăng soi.

Suốt đêm rằm đi ____ ời

____ ăng nghe hàng dương hát

Và tiếng mẹ ru ời

Từ xóm ____ ài dào dạt.”

(Như Mạo)

Bài 2. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. (chèo, trèo) _____ cây, _____ đò, leo _____, hát _____

b. (chào, trào) _____ mừng, phong _____, _____ dâng, cống _____

c. (mỏ, mỗ) hằm _____, tiếng _____, mắng _____, xương _____ ác

d. (hải, hã) sợ _____, _____ quân, _____ hùng, _____ cảng

Bài 3. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào những chữ in đậm:

– “Dòng sông qua trước **cu**a

Nước rì rầm ngày đêm

Sông **m**ơ những cánh bướm

Thuyền về xuôi lên ngược.

Rộn **ra** con tàu dắt

Kéo **ca** đoàn sà lan

Gô nửa tử trên ngàn

Tha bè chơi rồng rắn.”

(Việt Tâm)

– Tinh sâu **ng**hia nặng.

– Sóng yên **bi**ên lặng.

– Mượn gió **be** mắng.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về sông biển)

Đặt và trả lời câu hỏi "Vì sao?"

Bài 1. Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp:

sông, kênh, suối, kênh rạch, dòng thác, biển khơi, bãi biển,
hồ, đáy biển, đảo, ghềnh, quần đảo, vịnh

– Từ ngữ chỉ sông suối:

– Từ ngữ chỉ biển cả:

Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(thật tuyệt, nhô lên, lớn, nghiêng mình chao liệng,
đỏ rực, bỗng bênh, ra khơi, trắng)

"Vào những buổi bình minh, cảnh biển Nha Trang _____.
Mặt trời _____ từ từ _____. Trên biển, từng đoàn thuyền
đánh cá giương buồm _____. Những con sóng _____ cuộn
cuộn xô bờ. Xa xa, từng đàn hải âu _____. Phía chân trời,
đám mây _____ như _____ trôi."

Bài 3. Xếp tên các con vật sau vào nhóm thích hợp:

cá rô, voi, ngựa, tôm, cua, hến, hươu, cá voi, cá chép, bói cá,
cá mè, chích chòe, chuồn chuồn

– Con vật sống dưới nước:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Con vật sống trên cạn:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Vì tò mò, Giọt Nước theo Thuyền đi vào đất liền.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Giọt Nước rất vui sướng vì thấy mẹ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hôm qua, em đi học muộn vì mưa.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Cá trên sông Nhuệ chết nhiều vì nước sông bị ô nhiễm nặng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Viết câu trả lời thích hợp:

a. Vì sao chim hải âu được gọi là bạn của người đi biển?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Vì sao đến mùa đông, đàn chim thường bay về phương Nam?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Gạch dưới bộ phận chỉ nguyên nhân trong các câu sau:

a. Vì mưa bão lớn, cây cối nghiêng ngã.

b. Lá cây thường có màu xanh vì chứa chất diệp lục.

c. Vì thương tình, ông lão thả cá con.

d. Vì mãi chơi, Hưng không làm bài tập về nhà.

e. Nhờ các bác lao công, sân trường lúc nào cũng sạch đẹp.

TẬP LÀM VĂN Quan sát tranh, trả lời câu hỏi

Dựa vào hiểu biết của em, hãy trả lời các câu hỏi sau:

a. Nước biển có màu gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Sóng biển thế nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bãi cát ở bờ biển ra sao?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Trên mặt biển có những gì?

e. Loài chim nào thường xuất hiện ở vùng biển?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHIẾU CUỐI TUẦN 25

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Mẹ con cá chuối

“Giữa trưa, nắng như đổ lửa, cá chuối mẹ càng bơi lên gần mặt ao càng thấy nước nóng. Đáng lẽ chuối mẹ có thể lặn xuống đáy ao cho mát, nhưng nghĩ đến đàn con đang đói, nó lại cố bơi. Bơi sát mép nước, chuối mẹ rạch lên chân khóm tre. Tìm một chỗ đoán chắc là có tổ kiến gần đó, chuối mẹ giả vờ chết, nằm im không động đậy. Hơi nước, hơi lá ải, cùng với mùi tanh trên mình chuối mẹ bốc ra làm bọn kiến lửa gần đó thèm thuồng. Chúng nối đuôi nhau, vừa bò loằng ngoằng vừa dò dẫm về phía có mùi cá.

Đầu tiên, cá chuối mẹ cảm thấy buồn buồn ở khắp mình, sau rồi đau nhói trên da thịt. Biết kiến đã bu dày đặc trên người mình, cá chuối mẹ liền lấy đà quẫy mạnh, rồi nhảy ùm xuống nước. Lũ kiến không kịp chạy, nổi lênh bênh trên mặt ao. Đàn chuối con ủa lại, tranh nhau đớp tới tấp. Thế là đàn con được một mẻ no. Chuối mẹ bơi quanh nhìn đàn con đớp mỗi, vui quá, quên cả đớp đau.”

(Theo Xuân Quỳnh)

1. Cá chuối mẹ bơi lên mặt ao vào lúc nào?

- a. vào đêm tối mù mịt
- b. vào buổi chiều mát mẻ
- c. vào giữa trưa, nắng như đổ lửa

2. Vì sao cá chuối mẹ rạch lên chân khóm tre?

- a. Vì nó muốn tìm tổ kiến để nhử kiến về cho các con ăn.
- b. Vì nó muốn tìm măng tre để mang về cho các con ăn.
- c. Vì nó muốn tìm chỗ mát dưới khóm tre để tránh nắng.

3. Điều gì làm bọn kiến lửa gần đó thèm thuồng?

- a. hơi nước, hơi lá ải
- b. mùi tanh trên mình chuối mẹ
- c. cả a và b đều đúng

4. Đoạn trích trên nói lên điều gì?

- a. Cá chuối mẹ có thể sống dưới nước và trên cạn.
- b. Cá chuối mẹ thương yêu con, hi sinh vì con.
- c. Đàn cá chuối con yêu thương mẹ.

5. Trong câu "Chúng nối đuôi nhau, vừa bò loằng ngoằng vừa dò dẫm về phía có mùi cá." thuộc kiểu câu nào?

- a. Ai là gì?
- b. Ai làm gì?
- c. Ai thế nào?

II. Bài tập

Bài 1. Tìm các từ có tiếng "biển" và đặt câu với một trong các từ vừa tìm được:

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Chú Đỗ Con ngủ khi suốt năm trong cái chum khô ráo, tối om.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Một sáng đẹp trời, Cừu và Heo rủ nhau đi tìm đất xây nhà.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Chim công có vẻ sẽ được nhiều phiếu vì có bộ lông lông lẫy và biệt tài múa hát.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Nối thích hợp để tạo câu kiểu "Ai thế nào?":

A
1. Bầu trời đêm
2. Ngọn đèn biển
3. Sóng
4. Biển

B
a. trắng bạc đầu.
b. tối sẫm, đen kịt.
c. rộng mênh mông và nổi sóng cuộn cuộn.
d. sáng rực một góc trời.

TUẦN 26: SÔNG BIỂN

TẬP ĐỌC “Tôm Càng và Cá Con” (Theo Trương Mỹ Đức, Tú Nguyệt)

“Sông Hương” (Theo “Đất nước ngàn năm”)

KỂ CHUYỆN “Tôm Càng và Cá Con”

CHÍNH TẢ Phân biệt d/r/gi, ut/ưc

Bài 1. Điền **r, d** hoặc **gi** vào chỗ trống để hoàn thành các câu tục ngữ, thành ngữ:

- | | |
|---------------------------------------|---|
| – Đi hỏi _____ à, về nhà hỏi trẻ. | – _____ uột để ngoài _____ a. |
| – Tránh vỗ _____ ừa, gập vỗ _____ ừa. | – _____ eo _____ ó gặt bão. |
| – Ên bay cao, mưa _____ ào lại tạnh. | – _____ ấy _____ ách phải _____ ữ lấy lễ. |

Bài 2. Điền **ut** hoặc **ưc**: (thêm dấu thanh nếu cần)

cá m_____	n_____ nẻ	t_____ giận	b_____ phá
m_____ sen	náo n_____	v_____ sâu	thơm ph_____

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- Tết đến, mẹ làm _____ (mút/mức) sen để cả nhà cùng thưởng _____ (thức/thút).
- Ngày khai giảng, học sinh nô _____ (nức/nút) đến trường.
- _____ (lực/lựt) sĩ là người có _____ (sức/sút) khỏe phi thường.
- Ông vừa nói vừa lôi ra một chiếc bình cổ nhưng đã có vết (sút/sức).

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về sông biển)

Bài 1. Xếp tên các loại cá sau vào hai nhóm: cá nước ngọt, cá nước mặn.

cá thu, cá chép, cá trê, cá chuồn, cá nục, cá ngừ, cá mập, cá mè

Bài 2. Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Vì sao?” trong các câu sau:

- a. Vì Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập nên được thầy yêu bạn mến.
- b. Vì không lấy được Mị Nương, Thủy Tinh ùng ùng nổi giận.
- c. Nhờ mưa thuận gió hòa, vụ mùa năm nay bội thu.
- d. Cá ngoi lên đẫy mặt ao vì thời tiết thay đổi.

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch dưới trong các câu sau:

- a. Trong vườn, hoa hồng tỏa hương ngào ngạt.

- b. Trên sân, đàn vịt đi lạch bà lạch bạch.

- c. Ruột măng cụt trắng muốt như hoa bưởi.

- d. Cánh đồng lúa vàng óng.

TẬP LÀM VĂN Tả ngắn về cảnh biển

Viết một đoạn văn khoảng 5 câu miêu tả cảnh biển.

PHIẾU CUỐI TUẦN 26

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Suối vui

“Bạn có biết không?

Suối rất hay cười. Vừa đi vừa cười. Vừa chạy vừa cười. Cả lúc nhảy cũng cười. Dường như suối không biết buồn là gì.

Từ trong khe đá chảy ra, suối khúc khúc, nhí nhảnh. Thoạt tiên chỉ là cái lạch nhỏ, mỏng manh, trong veo.

Róc rách! Róc rách!

Đàn bướm dập dờn quanh sợi nước tựa những dải lụa mềm vắt đan vào nhau, tìm đến nhau rồi chảy vào một nơi, hợp thành một vùng nước. Sóng sánh trong hang động. Lóng lánh gương giếng đá. Ấm ắp. Từ đấy, nước khơi mạch tìm ra, chảy thành dòng suối.

Tung tăng! Tung tăng!

Róc rách! Róc rách!

Như câu hát. Như tiếng cười...”

(Theo Phong Thu)

- Theo đoạn trích trên, suối cười khi nào?
 - vừa đi vừa cười, vừa chạy vừa cười, cả lúc nhảy cũng cười
 - vừa nằm vừa cười, vừa chạy vừa cười, cả lúc nhảy cũng cười
 - vừa đi vừa cười, vừa đùa vừa cười, cả lúc nhảy cũng cười
- Trước khi hợp thành một vùng nước, thoạt tiên suối chỉ là gì?
 - Suối chỉ là một vũng nước nhỏ.
 - Suối là một đoạn của dòng sông.
 - Suối là một lạch nước nhỏ trong veo.
- Âm thanh của tiếng suối được gọi tả bằng từ ngữ nào?
 - mỏng manh, trong veo
 - róc rách
 - đầy ắp ắp, réo rắt

4. Tìm 5 từ chỉ hoạt động có trong đoạn trích.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Vì sao tác giả gọi dòng suối là suối vui?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Bài tập

Bài 1. Chọn cặp từ thích hợp điền vào chỗ trống:

(cội – nguồn, thác – ghềnh, sông – biển, vàng – bạc, buồm – gió)

- Rừng _____ biển _____.
- Lên _____ xuống _____.
- Trăm _____ đều đổ về một _____.
- Thuận _____ xuôi _____.
- Cây có _____, nước có _____.

Bài 2. Điền dấu phẩy thích hợp vào các câu trong đoạn trích sau:

“Buổi sáng từng đoàn thuyền đánh cá trở về. Thuyền nào cũng tôm cá cua ghẹ đầy khoang. Từ xa mọi người đã nhìn thấy những khuôn mặt vui tươi của những người đánh cá trên thuyền.”

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

(san hô, sóng, vịnh, đảo)

Vịnh Nha Trang

“Được che chắn bởi 19 _____ lớn nhỏ, vịnh Nha Trang rộng, khá kín gió, không có _____ lớn. Trong vịnh Nha Trang có gần 10 đảo yến. Dưới mặt vịnh Nha Trang lại có một thế giới kì thú của nhiều loài _____, cá, cỏ biển.

Tháng 7 năm 2003, cùng với _____ Hạ Long, vịnh Nha Trang chính thức được công nhận và xếp hạng là một trong 29 vịnh đẹp nhất thế giới.”

(Sưu tầm)

PHIẾU ÔN SỐ 6

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng và thực hiện yêu cầu:

Thủy cung

“Ở giữa biển khơi có tòa lâu đài của vua Thủy Tề đứng sừng sững nơi đáy biển sâu nhất. Lâu đài này hết sức tráng lệ. Tường bằng san hô đủ màu sắc, cửa sổ cao vút bằng hổ phách trong suốt, mái lợp toàn bằng trai ngọc miệng mở ra khép lại theo dòng nước chuyển động. Trước mặt lâu đài là một vùng rộng mênh mông, cành lá xanh thẫm, hoa đỏ ửng tựa than hồng.

Nước ở đây xanh hơn đài hoa xanh biếc nhất, trong vắt như pha lê và sâu thăm thẳm đến nỗi neo đã phải nổi thêm dây mà vẫn không chạm đáy. Có người tưởng rằng đáy biển chỉ toàn cát, thực ra ở đấy cây vẫn mọc. Những loại cây kì diệu, thân lá mềm mại đều đưa theo sự chuyển động của nước. Cá lớn, cá bé bơi lướt qua giữa đám cành lá chẳng khác gì chim bay qua các bụi cây ở trên mặt đất. Từ bên trên chiếu xuống một thứ ánh sáng xanh biếc, huyền ảo lan tỏa khắp nơi. Khi lặng gió, mặt biển phẳng lì, sinh vật dưới đáy biển có thể nhìn thấy mặt trời lóng lánh như bông hoa đỏ thắm đang găng rọi ánh sáng xuống tận đáy biển...”

(Theo truyện cổ An-đéc-xen)

1. Đoạn trích trên miêu tả cảnh gì?
 - a. cảnh đẹp dưới thủy cung
 - b. lâu đài tráng lệ của vua Thủy Tề
 - c. các sinh vật sống dưới thủy cung
2. Những hình ảnh nào trong đoạn 1 được dùng để miêu tả vẻ đẹp tòa lâu đài của vua Thủy Tề?
 - a. Tường bằng san hô đủ màu sắc, cửa sổ cao vút bằng hổ phách trong suốt, mái lợp toàn bằng trai ngọc.
 - b. Nước biển xanh hơn đài hoa xanh biếc, trong vắt như pha lê và sâu thăm thẳm.
 - c. Những loại cây kì diệu, thân lá mềm mại đều đưa theo sự chuyển động của nước.
3. Khung cảnh ở dưới đáy biển thế nào?
 - a. Có những loại cây kì diệu, thân lá mềm mại đều đưa theo sự chuyển động của nước.
 - b. Có cá lớn, cá bé bơi lướt qua giữa đám cành lá chẳng khác gì chim bay qua các bụi cây ở trên mặt đất.
 - c. Cả a và b đều đúng.

4. Tìm và viết lại các từ chỉ màu sắc có trong đoạn trích trên.

II. Bài tập

Bài 1. Nối câu với kiểu câu tương ứng:

1. "Cánh hoa mịn như nhung."
2. "Đàn chim bay theo con thuyền."
3. "Hải âu là bạn của người đi biển."

a. Ai là gì?
b. Ai làm gì?
c. Ai thế nào?

Bài 2. Điền dấu chấm, dấu phẩy thích hợp vào () trong đoạn trích và viết hoa đầu câu:

"Ông lão câu được một chú cá con () cá van xin:

- Ông hãy thả tôi ra! Tôi bé tẹo () thịt tanh ông ăn chẳng bõ () ông thả tôi ra ()
tôi lớn lên () thịt thơm hơn () bấy giờ () ông hãy bắt ()

Ông lão nghe nói () bèn thả cá con ()"

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong những câu sau:

a. Vì bão đến, đoàn thuyền không ra khơi đánh cá.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Trên hòn đảo nhỏ, những cây dừa mọc thành từng khóm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Khi mùa xuân đến, hoa đào nở rộ khắp cánh đồng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Các bạn học sinh đang chơi đùa vui vẻ trên sân trường.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TUẦN 27: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Voi trả nghĩa

"Một lần, tôi gặp một chú voi non bị thụt bùn dưới đầm lầy. Tôi nhờ năm người quản tượng khác đến giúp sức, kéo nó lên bờ. Nó run run, quơ mãi vòi lên người tôi hít hơi. Nó còn nhỏ, chưa làm được việc. Tôi cho nó mấy miếng đường rồi xua nó quay trở lại rừng.

Vài năm sau, tôi chặt mấy cây gỗ đã được trồng lâu năm về để làm nhà. Nhưng vì không có xe chở nên tôi vẫn để gỗ lại trong rừng. Một buổi sáng, tôi ngạc nhiên khi thấy năm, sáu cây gỗ mới đốn đã được đưa về gần nơi tôi ở. Tôi ra rình, thấy có hai con voi lễ mễ khiêng gỗ đến. Tôi nhận ra chú voi non ngày trước. Con voi lớn đi cùng chắc là mẹ nó. Đặt gỗ xuống, voi non tung vòi hít hít. Nó kêu lên khe khẽ rồi tiến lên, hươ vòi chạm vào mặt tôi. Nó nhận ra hơi quen ngày trước.

Mấy đêm sau, hai mẹ con nhà voi ấy đã chuyển hết số gỗ của tôi về bản."

(Theo Vũ Hùng)

(Quản tượng: người nuôi dưỡng và chăm sóc các chú voi.)

1. Chú voi non đã gặp phải chuyện gì?

- a. bị trúng đạn b. bị thụt bùn dưới đầm lầy c. bị bỏ đói

2. Nhân vật tôi đã làm gì để giúp chú voi non?

- a. nhờ năm người quản tượng khác đến giúp sức, kéo nó lên bờ
b. bỏ đi và không làm gì hết
c. gọi voi mẹ đến cứu voi con

3. Sau khi cứu được voi non, nhân vật tôi đã làm gì?

- a. bắt voi về kéo gỗ giúp mình
b. bán voi non lấy tiền
c. cho voi non mấy miếng đường rồi xua nó về rừng

4. Chú voi non đã làm gì để trả ơn người cứu giúp mình?

- a. kiếm củi cho người đó
b. chuyển hết số gỗ của người đó từ trong rừng về bản
c. cứu người đó thoát chết

5. Hình ảnh nào cho thấy voi non rất vui khi gặp lại người đã cứu mình?

- a. Voi non tung vòi hít hít.
b. Nó kêu lên khe khẽ rồi tiến lên, hươ vòi chạm vào mặt người đó.
c. Cả a và b đều đúng.

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong mỗi câu sau:

a. Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ sông.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Trên những bụi cây ven hồ, họ nhà chim đủ các loại, ríu rít bay đến đậu.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Từ tít trên cao, mùi hoa sữa toả xuống ngào ngạt.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Đàn ong xây tổ nhanh vì chúng biết tuân thủ kỉ luật.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e. Các bạn nhỏ đều ngoan ngoãn, vâng lời ông bà cha mẹ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Điền dấu chấm vào chỗ thích hợp để chia đoạn văn thành 5 câu và viết hoa đầu câu:

"Đấy là câu chuyện trên cánh đồng sớm mùa xuân bây giờ, không còn ai buồn và lẻ loi một mình nữa chim hót líu lo trên cỏ mới gió ngào ngạt mùi mật và hoa dưới nước, trên bờ, ai nấy mới yên tâm đi dự hội."

(Theo Xuân Quỳnh)

Bài 4. Viết đoạn văn khoảng 5 câu miêu tả một con vật nuôi mà em thích.

PHIẾU CUỐI TUẦN 27

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Vị khách tốt bụng

“Một du khách nhìn thấy một bà cụ đang đứng bên bờ một dòng suối lênh láng nước sau một trận mưa lớn. Trông bà có vẻ rất lo lắng và bất đắc dĩ phải băng qua nó.

Người khách du lịch tiến lại gần và hỏi bà lão:

- Bà ơi, bà có muốn con công bà vượt suối không?

Bà lão rất ngạc nhiên và lẳng lặng gật đầu đồng ý. Anh công bà băng qua suối và anh dẫn đuối sức. Sau khi sang bờ bên kia, bà lão vội vội vàng vàng rời đi mà không nói lời cảm ơn nào. Vị du khách đang rã rời vì đuối sức kia có chút hối tiếc vì giúp đỡ bà lão ấy. Anh không mong cầu bà báo đáp, nhưng nghĩ rằng chí ít bà cũng nên nói với anh đôi lời bày tỏ sự cảm kích.

Vài giờ sau, du khách này đi tới vùng núi. Đó là một hành trình đầy gian nan với anh, chân của anh bị côn trùng cắn sưng tấy. lát sau, trên đường đi, có một thanh niên bắt kịp theo anh và nói: “Cảm ơn anh đã giúp bà tôi. Bà bảo anh sẽ cần những thứ này và muốn tôi mang chúng đến cho anh.”

Nói đoạn, cậu ấy lấy ra từ trong túi một ít thức ăn và thuốc men. Hơn nữa anh còn dắt thêm một con lừa và giao nó cho du khách tốt bụng. Vị du khách không ngừng nói cảm ơn anh thanh niên. Sau đó, người thanh niên này nói tiếp: “Bà của tôi không nói được cho nên bà muốn tôi thay mặt bà cảm ơn anh!”

(Theo Hạt giống tâm hồn)

1. Người khách du lịch đã giúp bà cụ làm gì?

- a. giúp bà cụ băng qua đường
- b. giúp bà cụ đi tới vùng núi
- c. công bà cụ vượt qua dòng suối

2. Ngay sau khi được giúp đỡ, bà cụ đã cư xử như thế nào?

- a. vội vàng rời đi mà không nói lời cảm ơn nào
- b. nói lời cảm ơn vị khách đã giúp đỡ
- c. đưa cho vị khách một ít thức ăn

3. Vị du khách đã gặp phải chuyện gì khi đi tới vùng núi?

- a. Anh bị kiệt sức vì phải băng qua suối.
- b. Chân của anh bị côn trùng cắn sưng tấy.
- c. Anh bị đói vì thiếu thức ăn.

4. Bộ phận gạch dưới trong câu “Một du khách nhìn thấy một bà cụ đang đứng bên bờ một dòng suối lênh láng nước sau một trận mưa lớn.” trả lời cho câu hỏi nào?

- a. Khi nào?
- b. Vì sao?
- c. Như thế nào?

II. Bài tập

Bài 1. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Mẹ may cả cái cầu vai y hệt như chiếc áo quân phục thực sự.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Trên những bụi cây ven hồ, đủ các loại họ nhà chim ríu rít bay.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Sông mùa xuân êm đềm, xanh trong trôi đi trong nắng vàng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Gạch dưới từ chỉ hoạt động, trạng thái và khoanh vào từ chỉ đặc điểm, tính chất trong đoạn văn sau:

“Vầng trăng vàng thắm đang từ từ nhô lên sau lũy tre làng. Làn gió nồm nam thổi mát rượi. Trăng óng ánh trên hàm răng, trăng đậu vào đáy mắt. Trăng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già. Khuya. Làng quê em đã vào giấc ngủ. Chỉ có vầng trăng vẫn thao thức như canh gác trong đêm.”

(Trích “Vầng trăng quê em” – Phan Sĩ Châu)

Bài 3. Điền dấu câu thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

“Tối đấy () Hằng đặt chiếc vòng vào tay mẹ () mếu máo:

– Mẹ tha lỗi cho con nhé ()

Hằng kể lại mọi chuyện cho mẹ nghe () Mẹ cầm chiếc vòng lên xem () ôn tồn bảo:

– Lần sau () con thích gì thì bảo mẹ mua () Đừng làm thế nhé ()

Nghe mẹ nói vậy () Hằng thở phào nhẹ nhõm () Đêm ấy () cô bé ngủ một giấc thật ngon lành ()”

ĐỀ THAM KHẢO

Bài 1. Đọc đoạn trích, khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng và thực hiện yêu cầu:

Con chuồn chuồn nước

“Ôi chào! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như đang còn phân vân.

Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.”

(Theo Nguyễn Thế Hội)

1. Chú chuồn chuồn nước đang đậu ở đâu?

- a. trên lá sen b. trên mặt ao c. trên một cành lộc vừng

2. Thân chú chuồn chuồn được miêu tả như thế nào?

- a. nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu
b. mỏng như giấy bóng
c. long lanh như thủy tinh

3. Mặt hồ có đặc điểm gì?

- a. rung rung và phân vân
b. trải rộng mênh mông và lặng sóng
c. trải rộng mênh mông và gợn sóng lăn tăn

4. Gạch dưới từ chỉ sự vật, khoanh vào từ chỉ đặc điểm, tính chất trong các câu sau:

“Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.”

5. Câu “Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên.” thuộc kiểu câu kể nào? Chỉ rõ hai bộ phận chính của câu đó.

Bài 2. Điền vào chỗ trống:

a. x hay s?

_____a _____ôi _____inh _____ôi _____ắc _____ảo

b. iêc hay iêt? (thêm dấu thanh nếu cần)

thời t_____ hiểu b_____ t_____nuối

Bài 3. Đặt câu theo yêu cầu:

a. Câu kiểu "Ai làm gì?" và có từ "dạy bảo":

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Câu kiểu "Ai thế nào?" và có từ "nhanh nhẹn":

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Cặp mỏ của chích bông gập sâu trên lá nhanh thoăn thoắt.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

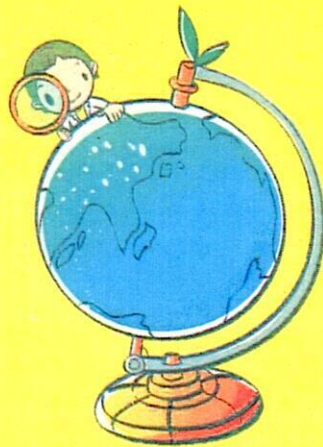
b. Bộ lông của chim công rất rực rỡ và lông lẫy.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bông cúc héo lả đi vì thương xót sơn ca.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 5 câu tả cảnh biển vào lúc bình minh.



ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS
Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 096 713 5966

Tiểu học ARCHIMEDES ACADEMY
Trường Công Giáo Địch Vương, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 306 6166

THCS ARCHIMEDES ACADEMY
Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 769 7171

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH
Lô F11, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: 039 235 3636